

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18



ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

ĐÃ BỊNH THẮNG 11 NĂM 2006

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.

Điều lệ này được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất của Công ty cổ phần vào ngày 16/11/2006

Chúng tôi, những cổ đông Công ty cổ phần Xi măng X18 cam kết thực hiện những quy định trong Bản Điều lệ này.

BẢN ĐIỀU LỆ CHÍNH
Ngày 28 tháng 4 năm 2016



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Kiên

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	3
Định nghĩa các thuật ngữ trong điều lệ.....	3
CHƯƠNG II.....	4
Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện	4
và thời hạn hoạt động của Công ty	4
CHƯƠNG III	5
Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	5
CHƯƠNG IV	6
Vốn điều lệ, cổ phần và cổ đông sáng lập	6
CHƯƠNG V	10
Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát	10
CHƯƠNG VI	11
Cổ đông và đại hội đồng cổ đông	11
CHƯƠNG VII.....	23
Hội đồng quản trị.....	23
CHƯƠNG VIII	33
Giám đốc, những cán bộ quản lý khác và thư ký công ty	33
CHƯƠNG IX	36
Nhiệm vụ được uỷ thác của thành viên hội đồng quản trị, giám đốc và cán bộ quản lý..	36
CHƯƠNG X.....	39
Ban kiểm soát	39
CHƯƠNG XI	43
Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ công ty	43
CHƯƠNG XII	43
Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty	43
CHƯƠNG XIII	44
Phân chia lợi nhuận	44
CHƯƠNG XIV	45
Tài khoản ngân hàng, quỹ dự trữ, năm tài chính và	45
Hệ thống kế toán.....	45
CHƯƠNG XV	46
Báo cáo thường niên, trách nhiệm công bố thông tin,	46
Thông báo ra công chúng.....	46
CHƯƠNG XVI.....	47
Kiểm toán công ty	47
CHƯƠNG XVII.....	48
Con dấu.....	48
CHƯƠNG XVIII	48
Chấm dứt hoạt động và thanh lý.....	48
CHƯƠNG XIX.....	49
Giải quyết tranh chấp nội bộ	49
CHƯƠNG XX	50
Sửa đổi, bổ sung điều lệ	50
CHƯƠNG XXI.....	50
Ngày hiệu lực	50

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ



Điều 1. Định nghĩa.

- 1.1. Trừ khi các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
- a) **“Địa bàn kinh doanh”** là phạm vi đại lý thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam.
 - b) **“Vốn điều lệ”** có nghĩa là vốn do tất cả Cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này.
 - c) **“Luật Doanh nghiệp”** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm.
 - d) **“Ngày thành lập”** có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
 - e) **“Pháp luật”** là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 16 tháng 12 năm 2002.
 - f) **“Người quản lý”** là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, kế toán trưởng Công ty, Giám đốc Chi Nhánh, trưởng văn phòng đại diện được Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.
 - g) **“Những người liên quan”** có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.
 - h) **“Cổ đông”** có nghĩa là mọi cá nhân hay tổ chức được ghi tên trong Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
 - i) **“Thời hạn”** có nghĩa là thời hạn ban đầu của Công ty như được qui định tại Điều 2 của Điều lệ này và mọi thời gian gia hạn được thông qua bằng một Nghị quyết của Đại hội cổ đông và được Hội đồng quản trị chấp thuận.
 - j) **“Việt Nam”** có nghĩa là Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- 1.2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng .
- 1.3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng đến ý nghĩa của Điều lệ này .
- 1.4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không có mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II.

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, Hình thức, Trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện và Thời hạn hoạt động của Công ty.

2.1. Tên Công ty:

- o Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

- o Tên đăng ký hợp pháp của Công ty bằng tiếng Anh:

X18 Cement Joint Stock Company

- o Tên viết tắt bằng tiếng Anh: **X18 JSC**

2.2. Công ty là một Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật Việt Nam.

2.3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ : Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình.
- Điện thoại : 030 866062
- Fax : 030 866121

2.4. Logo Công ty:



2.5. Công ty có thể thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty và trong phạm vi luật pháp cho phép.

2.6. Giám đốc Công ty là đại diện theo pháp luật của Công ty.

2.7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 43.2 và Điều 44 của Điều lệ này, thời hạn của Công ty sẽ là vô thời hạn kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu của Công ty.

3.1. Mục tiêu của Công ty:

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất và kinh doanh
- Nâng cao hiệu quả và đạt được mục tiêu thu tối đa các khoản lợi nhuận hợp lý
- Tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động
- Tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

3.2. Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu này cần phải có sự chấp thuận của cơ quan quản lý thì Công ty chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3.3. Ngành nghề kinh doanh:

Công ty kinh doanh các ngành nghề sau đây:

- a) Sản xuất xi măng;
- b) Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;
- c) Khai thác, kinh doanh đất đá, cát, sỏi;
- d) Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật và lắp đặt máy móc thiết bị;

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.

4.1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

4.2. Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.

4.3. Các cổ đông của Công ty cùng góp vốn, cùng chia lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về khoản nợ của Công ty trong phần vốn góp vào Công ty.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP



Điều 5. Vốn điều lệ, Cổ phần, Cổ đông sáng lập.

- 5.1. Vốn điều lệ của Công ty được chia làm nhiều phần bằng nhau, mỗi phần được gọi là một cổ phần
Tất cả các Cổ phần do Công ty phát hành đều là Cổ phần phổ thông.
- 5.2. Vào ngày thông qua Điều lệ này, Vốn điều lệ của Công ty là: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ Việt Nam đồng chẵn).
Tổng số Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 2.000.000 cổ phần (Hai triệu cổ phần) với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần (Mười ngàn đồng trên một cổ phần).
- 5.3. Cổ đông sáng lập khi chuyển doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần là cổ đông nhà nước
- 5.4. Công ty có thể tăng Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 5.5. Công ty có thể phát hành các loại Cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 5.6. Công ty có thể phát hành cổ phần với giá trả góp thành nhiều đợt. Kỳ đến hạn trả góp và số tiền trả định kỳ phải được xác định tại thời điểm phát hành cổ phần.
- 5.7. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác theo quy định của Luật doanh nghiệp của các cổ đông sáng lập được nêu tại Phụ lục 1 đính kèm. Phụ lục 1 là một phần không thể thiếu trong điều lệ này.
- 5.8. Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty. Đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng có thể quyết định một tỷ lệ chào bán nhất định cho các cổ đông mới. Công ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý (không ít hơn 21 ngày), để cổ đông cũ đặt mua. Số cổ phần mà Đại hội cổ đông quyết định chào bán cho các cổ đông mới và cổ phần không được các cổ đông cũ đặt mua hết sẽ được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối (hoặc tặng các quyền chọn mua) các cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với các điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ phi các cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
- 5.9. Trường hợp cổ đông có quyền mua cổ phần như Khoản 5.7 Điều này thì cổ đông đó được chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.

Krus

- 5.10 Công ty có thể mua cổ phần của chính mình (kể cả cổ phần hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Luật Doanh nghiệp và các luật liên quan phù hợp với các thẩm quyền mà Đại hội đồng cổ đông đã cho phép theo quy định trong Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Cổ phần do Công ty mua lại được giữ lại làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép và phù hợp với quy định của pháp luật về Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán.
- 5.11 Công ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm và không có bảo đảm, và khi có phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông, có thể phát hành Trái phiếu có thể chuyển đổi thành Cổ phiếu và các chứng quyền đặt mua, cho phép người nắm giữ chứng quyền được mua Cổ phần phù hợp với quy định của pháp luật về Chứng khoán và Thị trường Chứng khoán.
- 5.12 Vốn điều lệ của Công ty được sử dụng cho các hoạt động kinh doanh sau:
- a) Mua sắm tài sản cố định, máy móc trang thiết bị mở rộng quy mô hoạt động;
 - b) Phát triển kỹ thuật nghiệp vụ;
 - c) Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn liên doanh;
 - d) Các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản;
 - e) Kinh doanh theo ngành nghề kinh doanh đã đăng ký trong Giấy đăng ký kinh doanh.

Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu.

- 6.1. Mọi cổ đông đều có quyền được cấp một chứng chỉ cổ phiếu nhất định.
- 6.2. Công ty phát hành chứng chỉ cổ phiếu theo hình thức "Giấy chứng nhận quyền sở hữu cổ phần" để xác nhận các quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của các cổ đông góp vốn trong Công ty.

Chứng chỉ cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, trụ sở chính của Công ty;
- b) Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- c) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- d) Mệnh giá 01 cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- e) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức;
- f) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;
- g) Dấu của Công ty và chữ ký của Đại diện theo pháp luật của Công ty;



- h) Sổ đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
 - i) Đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi phải có thêm: hình thức ưu đãi, điều kiện chuyển nhượng;
 - j) Đối với cổ phiếu của các nhà đầu tư nước ngoài thì các nội dung ghi chép trên tờ cổ phiếu phải được phản ánh đầy đủ bằng hai thứ tiếng: Tiếng Việt và tiếng Anh.
- 6.3. Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong sổ đăng ký cổ đông liên quan đến một cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một chứng chỉ (trong trường hợp phát hành) trong vòng hai tháng (hoặc thời hạn lâu hơn theo như điều khoản phát hành quy định) sau khi mua hoặc (trong trường hợp chuyển nhượng) chuyển nhượng.
- 6.4. Nếu một chứng chỉ cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy thì một chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó với điều kiện phải xuất trình giấy tờ chứng minh và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
- 6.5. Tất cả các mẫu chứng chỉ cổ phiếu hoặc trái phiếu hoặc các chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện hiện tại có liên quan đến các chứng chỉ có quy định khác, sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của Đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần.

- 7.1 Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 81 và khoản 5 Điều 84 của Luật Doanh nghiệp 2005. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.

Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị huỷ bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

- 7.2 Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện tại Công ty hoặc thông qua Tổ chức trung gian do Công ty uỷ quyền. Khi cổ phiếu của Công ty niêm yết trên Trung tâm Chứng khoán hoặc Sở giao dịch chứng khoán, việc chuyển nhượng sẽ phải tuân theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Trung tâm Giao dịch Chứng khoán hoặc Sở giao dịch chứng khoán;
- 7.3. Trong vòng ba (03) năm kể từ ngày được thành lập, cổ đông sáng lập phải nắm giữ ít nhất 20% tổng số cổ phần đang nắm giữ. Cổ phiếu ghi danh của cổ đông sáng lập chỉ được chuyển nhượng khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Sau thời hạn ba

Kun

năm nêu trên, các hạn chế về chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập được bãi bỏ;

- 7.4. Thành viên Hội đồng quản trị không được bán số cổ phần đang nắm giữ trong suốt nhiệm kỳ. Trong trường hợp đặc biệt nếu cổ đông là thành viên HĐQT có nhu cầu bán cổ phần của mình thì phải được chấp thuận của HĐQT và chỉ được bán tối đa 50% số cổ phần đang nắm giữ. Các thành viên HĐQT còn lại sẽ có quyền ưu tiên mua trước số cổ phần này. Nếu không có ai mua trong vòng 30 ngày thì số cổ phần này được chào bán cho các cổ đông khác với điều kiện không ưu đãi hơn các điều kiện dành cho các thành viên HĐQT khác.
- 7.5. Hội đồng quản trị hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phần ghi danh nào chưa được thanh toán đầy đủ.
- 7.6. Trong trường hợp một cổ đông bị chết, nhưng người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không được giải toả tài sản của cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

Điều 8. Thu hồi cổ phần.

- 8.1. Nếu một cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu thì Hội đồng quản trị có thể gửi thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty.
- 8.2. Thông báo nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo) và địa điểm thanh toán và phải nêu rõ rằng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi.
- 8.3. Nếu các yêu cầu của một thông báo nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo vào bất kỳ lúc nào trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo qui định dưới đây và các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
- 8.4. Một số cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách khác cho người mà trước thời điểm cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp đã từng nắm giữ cổ phần đó hoặc cho bất kỳ người nào khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Nếu cần, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho một số người chuyển giao cổ phần trên cho bất kỳ người nào khác.



- 8.5. Một cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan đến cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp phải thanh toán cho Công ty cộng với tiền lãi theo tỷ lệ không quá 1,5 lần lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố từng thời điểm theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi hoặc giao nộp cho đến ngày thực hiện thanh toán và Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định trong việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
- 8.6. Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người sở hữu cổ phần trước khi bị thu hồi; nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý.

9.1. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a) Đại hội đồng cổ đông;
- b) Hội đồng quản trị;
- c) Ban kiểm soát;
- d) Ban giám đốc điều hành.

9.2. Tổ chức hoạt động:

- a) Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.
- b) Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội, bầu Ban Kiểm soát để giám sát hoạt động kinh doanh và vốn của Công ty.
- c) Điều hành hoạt động của Công ty là Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



Điều 10. Quyền hạn của cổ đông Công ty.

- 10.1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông nắm giữ.
- 10.2. Cổ đông là pháp nhân. Người đại diện phần vốn của một pháp nhân tại Công ty là người đại diện trước pháp luật của pháp nhân đó. Người đại diện phần vốn có thể ủy quyền cho một người khác làm đại diện cho pháp nhân đó tại Công ty. Trường hợp cổ đông là pháp nhân có sự thay đổi về tổ chức như mua bán, sáp nhập, chia tách, hợp nhất thì pháp nhân được kế thừa quyền và nghĩa vụ của pháp nhân đã được tổ chức lại sẽ được coi là cổ đông của Công ty. Trong trường hợp này, Cổ đông là pháp nhân mới phải gửi đến Công ty các văn bản pháp lý về việc tổ chức lại.
- 10.3. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông của Công ty có các quyền sau :
- a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Đại diện được ủy quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Doanh nghiệp
 - d) Được ưu tiên mua cổ phần mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông; có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f) Trong trường hợp Công ty bị giải thể, được nhận tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ;
 - g) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định trong Khoản 1 Điều 90 của Luật Doanh nghiệp.
 - h) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và các quy định khác của Pháp luật.
- 10.4. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên, có các quyền sau:
- a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tại các điều 19.2 và 31.5 tương ứng;
 - b. Yêu cầu triệu tập đại hội cổ đông trong các trường hợp sau:

- o Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - o Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
 - o Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quyết định thành lập hoặc sổ đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và từng thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền
- c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.
- d. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và các quy định khác của Pháp luật.
- e. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản, phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quyết định thành lập hoặc sổ đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và từng thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

Điều 11. Nghĩa vụ của các Cổ đông.

Các Cổ đông có các nghĩa vụ sau :

- 11.1 Thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty;

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.



- 11.2 Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Công ty.
- 11.3 Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- 11.4 Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật này và Điều lệ này.
- 11.5 Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
- 11.6 Bảo vệ lợi ích, tài sản và giữ bí mật nghề nghiệp về các hoạt động của Công ty, tham gia các công việc chung của Công ty khi được phân công;
- 11.7 Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo các quy định của pháp luật và điều lệ này.

Điều 12. Đại hội đồng cổ đông.

- 12.1 Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.
- 12.2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên ít nhất mỗi năm 01 (một) lần trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề được nêu tại khoản 1 điều 13.
- 12.3 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật Doanh nghiệp;
 - d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
 - đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 12.4 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 12.3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.

- 12.5 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 12.4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.

- 12.6 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 12.5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật Doanh nghiệp đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

- 12.7 Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- 12.8 Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.

- 13.1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Báo cáo tài chính hàng năm;
- b) Báo cáo của Ban Kiểm soát về quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng quản lý kinh doanh ở Công ty;
- d) Báo cáo của các Kiểm toán viên;
- e) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
- f) Mức cổ tức đối với từng loại cổ phần.

- 13.2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau:

Kuor

- a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư, bán tài sản Công ty hoặc bất kỳ Chi nhánh nào hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các Chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các Chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định mua bán, tổ chức lại, giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý ;
- j) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị ;
- k) Lựa chọn Công ty kiểm toán;
- l) Tổng tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị ;
- m) Kiểm tra và xử lý vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- n) ☒ Việc Giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- o) Công ty hoặc Chi nhánh nào của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp với giá trị tương ứng hoặc lớn hơn 25% tổng giá trị của Công ty và các Chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán và các vấn đề khác theo qui định của Điều lệ này và các qui chế khác của Công ty.

13.3. Cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua:

- a) Các hợp đồng qui định tại Điều 13.2 nếu Cổ đông đó hoặc người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc
- b) Việc mua cổ phần của Cổ đông đó hoặc của bất kỳ người nào có liên quan đến Cổ đông đó.

13.4. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các Nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Kur

Điều 14. Các đại diện được uỷ quyền.

- 14.1 Các Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Đại diện được uỷ quyền phải là Cổ đông.
- 14.2 Việc uỷ quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung hoặc theo mẫu khác mà Hội đồng quản trị chấp thuận và:
- a) Trường hợp là cá nhân thì phải được ký bởi người uỷ quyền hoặc bởi luật sư của người đó và người được uỷ quyền dự họp;
 - b) Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;
 - c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.
- Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.
- 14.3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 14.4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
- a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người uỷ quyền đã chấm dứt việc uỷ quyền ;
 - c) Huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.
- 14.4. Quy định tại khoản 14.2 Điều này không áp dụng nếu công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 14.3 Điều này chậm nhất hai mươi tư (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.
- 14.5 Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng với số cổ phần đã chuyển nhượng

Điều 15. Thay đổi các quyền.

- 15.1. Với sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông như được quy định tại Điều 13.2 khi vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại Cổ phần khác nhau thì theo Luật Doanh nghiệp, các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại có thể được thay đổi hoặc huỷ bỏ với sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của

các Cổ phần đã phát hành của loại đó hoặc với Nghị quyết được thông qua bởi những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của tất cả các Cổ đông có mặt tại một cuộc họp của riêng những người nắm giữ loại cổ phần đó.

- 15.2. Số lượng đại biểu cần thiết để tổ chức một cuộc họp như vậy ít nhất là hai Cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) nắm giữ ít nhất một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các Cổ phần loại đó đã phát hành (nhưng tại cuộc họp không có đủ số đại biểu như trên thì cuộc họp sẽ được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và bất kỳ một người nào nắm giữ Cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu). Cũng tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, bất kỳ người sở hữu cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có 1 lá phiếu cho mỗi Cổ phần được sở hữu thuộc loại đó.
- 15.3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 17 và Điều 18.
- 15.4. Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được qui định khác đi, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi trong một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các Cổ phần cùng hạng.

Điều 16. Triệu tập Đại hội cổ đông, chương trình họp và thông báo.

- 16.1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông trừ các trường hợp quy định tại Điều 12.3.c hoặc 12.3.d.
- 16.2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a) Chuẩn bị một danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội trong vòng mười lăm (15) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và các tài liệu phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải ghi rõ họ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần mà cổ đông đó nắm giữ;
 - b) Xác định thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Thông báo cho tất cả các Cổ đông về Đại hội và gửi thông báo về Đại hội cho họ.
- 16.3. Thông báo Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và thông tin hợp lý về các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội. Thông báo về Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho Cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện tới địa chỉ đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do Cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Nếu Cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử thì thông báo họp có thể sẽ được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trong trường hợp Cổ đông là người làm việc trong Công ty thì thông báo có thể được đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi họ làm việc. Thông báo phải

được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Nếu Công ty có Website, thông báo về họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên đó đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông.

- 16.4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại Điều 10.4 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, số và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
- 16.5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Điều 16.4 trên đây nếu:
- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b) Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên;
 - c) Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết;
 - d) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua các Nghị quyết.
- 16.6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 16.4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 16.5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
- 16.7. Đối với những vấn đề trong chương trình họp, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo một Nghị quyết.
- 16.8. Nếu tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết hiện diện trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông thì những Nghị quyết được Đại hội nhất trí thông qua đều là hợp lệ ngay cả khi Đại hội đồng cổ đông không được triệu tập một cách phù hợp hoặc nội dung họp không được đưa vào chương trình một cách hợp lý.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông.

- 17.1. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, hoặc nếu Chủ tịch vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc bất kỳ người nào khác do Đại hội bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì Đại hội, thành viên Hội đồng quản trị có mặt với chức vụ cao nhất sẽ tổ chức cuộc họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được bầu của Đại hội để cử một thư ký để lập biên bản Đại hội.

Trường hợp bầu Chủ toạ, tên Chủ toạ được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ toạ phải được công bố.

- 17.2. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ số cổ đông đó thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành thì được triệu tập cuộc họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại Hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỉ lệ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- 17.3. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 16.3 Điều lệ này.
- 17.4. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp.
- 17.5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:
- a) Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
 - b) Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
 - c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- 17.6. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
- 17.7. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

- 17.8. Người Chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm lưu các biên bản và gửi cho tất cả các Cổ đông ngay khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Các biên bản này được coi là những bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đó trừ khi có ý kiến phản đối được đưa ra một cách hợp lệ về nội dung biên bản trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi những biên bản đó đi. Biên bản sẽ được lập bằng tiếng Việt, được Chủ toạ Đại hội và thư ký ký xác nhận và được lập theo qui định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các Cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại Văn phòng Công ty.
- 17.9. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày quyết định được thông qua, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án xem xét và huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:
- a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - b) Trình tự thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.
- 17.10. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký Cổ đông phải được tiến hành và tiếp tục cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ tất cả các Cổ đông có quyền dự họp.
- 17.11. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty sẽ cấp cho mỗi Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Việc biểu quyết tại Đại hội sẽ được tiến hành bằng cách thu số thẻ ủng hộ một Nghị quyết trước, thu số thẻ phản đối, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối một vấn đề, hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ toạ thông báo ngay sau khi việc biểu quyết được tiến hành. Đại hội sẽ tự chọn trống số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì Chủ toạ sẽ chọn những người đó.
- 17.12. Cổ đông đến Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ toạ không có trách nhiệm dừng Đại hội đó để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.
- 17.13. Quyết định của Chủ toạ về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- 17.14. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ toạ Đại hội đồng cổ đông cũng có thể trì hoãn một Đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ toạ quyết định nếu nhận thấy rằng:
- a) Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội;

- b) Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp hoặc;
 - c) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra với sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết, Chủ tọa Đại hội có thể hoãn đại hội. Đại hội họp lại sẽ không xem xét bất cứ vấn đề nào ngoài các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội bị trì hoãn trước đó.
- 17.15. Chủ tọa của Đại hội hoặc Thư ký của Đại hội có thể tiến hành hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
- 17.16. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các Cổ đông hoặc Đại diện được uỷ quyền muốn tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Khi đã xem xét kỹ lưỡng, Hội đồng quản trị có thể từ chối không cho tham dự hoặc trục xuất một Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền nào đó không chịu tuân thủ những qui định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh này ra khỏi đại hội.
- 17.17. Hội đồng quản trị có thể tiến hành các biện pháp mà họ cho là thích hợp sau khi đã xem xét kỹ lưỡng để:
- a) Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - c) Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự Đại hội (hoặc tiếp tục tham dự).
- Hội đồng quản trị có thể thay đổi những biện pháp này vào bất kỳ lúc nào. Các biện pháp có thể bao gồm và không hạn chế việc cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng hình thức lựa chọn khác.
- 17.18. Trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp này khi xác định địa điểm Đại hội, Hội đồng quản trị có thể:
- a) Thông báo rằng Đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa Đại hội sẽ có mặt tại đó ("địa điểm Đại hội chính");
 - b) Bố trí tổ chức để những Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm Đại hội chính có thể đồng thời tham dự Đại hội.
- Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần phải đưa ra chi tiết về những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
- 17.19. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác đi), mọi Cổ đông sẽ được coi là tham gia Đại hội ở địa điểm Đại hội chính.

Điều 18. Phê chuẩn các Nghị quyết thông qua hình thức gửi văn bản.

- 18.1. Trường hợp xét thấy việc triệu tập một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để quyết định một vấn đề là không cần thiết, Hội đồng quản trị có thể lấy quyết định từ các Cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trong trường hợp này, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông chỉ được thông qua khi được các Cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số phiếu có quyền biểu quyết thông qua bằng văn bản theo các thủ tục qui định tại Khoản 18.2 dưới đây.
- 18.2. Hội đồng quản trị phải thực hiện các công việc sau đây để các Nghị quyết của Cổ đông được thông qua bằng hình thức gửi văn bản:
- a) Quyết định các vấn đề cần xem xét, hình thức và nội dung bỏ phiếu kín theo Điều lệ này và Pháp luật.
 - b) Gửi phiếu lấy ý kiến có ghi rõ các nội dung cần lấy ý kiến và tất cả các văn bản cần thiết theo quy định tại Điều 105.3 của Luật Doanh nghiệp cho tất cả các Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông để các cổ đông này có đầy đủ thông tin trước khi có thể ra quyết định. Phiếu lấy ý kiến cũng phải nêu rõ thời gian, địa chỉ mà Cổ đông có trách nhiệm phải gửi lại phiếu ý kiến. Các phiếu lấy ý kiến gửi sai địa chỉ hoặc gửi không đúng thời hạn lấy ý kiến được coi là phiếu không hợp lệ.
 - 18.3. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.
 - 18.4 Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.
Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - d) Các quyết định đã được thông qua;
 - e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

- Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
- 18.5 Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
- 18.6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
- 18.7. Nghị quyết được thông qua bằng hình thức gửi văn bản theo quy định tại khoản 18.1 của Điều này có giá trị tương đương các Nghị quyết do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Thành phần và nhiệm kỳ.

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- 19.1. Số thành viên của Hội đồng quản trị là năm (5) người, số lượng thành viên HĐQT do Đại hội cổ đông quyết định. Tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm và thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Hội đồng quản trị phải là Cổ đông hoặc đại diện phần vốn của cổ đông nhà nước, đại diện phần vốn của cổ đông là pháp nhân.
- 19.2 Mỗi Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ sáu (06) tháng liên tiếp trở lên được quyền đề cử một ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị.

Mỗi cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ ít hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng sáu (06) tháng liên tiếp trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các thành viên của Hội đồng quản trị. Nếu tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của họ nằm trong khoảng từ 10% đến dưới 30% thì họ được quyền đề cử một (01) thành viên để bầu vào Hội đồng quản trị, nếu từ 30% đến dưới 50% thì họ được đề cử hai (02) thành viên, nếu từ 50% đến 70% thì họ được đề cử ba (03) thành viên và nếu lớn hơn 70% thì họ được đề cử bốn (04) thành viên.

- 19.3 Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động tối đa không quá 90 ngày làm việc cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.
- 19.4 Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.
- 19.5 Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - c) Ứng cử viên vào Hội đồng quản trị là cổ đông sở hữu tối thiểu 0,3% vốn điều lệ do nhóm cổ đông quy định tại khoản 19.2 giới thiệu hoặc cổ đông là người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty được đại diện phần vốn Nhà nước, đại diện của cổ đông pháp nhân giới thiệu;
- 19.6 Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ:
- a) Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 19.5 Điều này;
 - Không tham gia tối đa 03 cuộc họp liên tục của HĐQT ;
 - Có đơn xin từ chức;
 - b) Ngoài các trường hợp quy định tại điểm a khoản 19.6 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c) Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá hai phần năm (2/5) so với số quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá hai phần năm (2/5) để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
- Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
- 19.7 Hội đồng quản trị có thể bầu bổ sung một thành viên mới để thế vào một chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng quản trị và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo đó. Ngay khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bầu thành viên đó. Thành viên Hội đồng quản trị được chỉ định để thế vào một chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng vẫn phải trải qua cuộc bỏ phiếu tín nhiệm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên tiếp theo;

- 19.8 Khi công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán thì việc HĐQT phải được công bố thông tin theo quy định của Luật chứng khoán.

Điều 20. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.

- 20.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 20.2 Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:
- a) Quyết định chiến lược phát triển của Công ty, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
 - d) Quyết định giá chào bán cổ phần, trái phiếu, và các chứng khoán chuyển đổi;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần không quá 10% tổng số cổ phần từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai (12) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do đại hội đồng cổ đông quyết định;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp được quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.
 - h) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Giám đốc, phó Giám đốc, kế toán trưởng, giám đốc chi nhánh, giám đốc văn phòng đại diện; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
 - i) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
 - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - m) Trình báo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
 - o) Thực hiện các công việc để phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật.
 - p) Quyết định việc định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng;
 - q) Đề xuất việc tái cơ cấu, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
 - r) Thực hiện các khiếu nại của Công ty về cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty trong các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
 - s) Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm trong quản lý, vi phạm điều lệ, vi phạm pháp luật, gây thiệt hại cho Công ty.
 - t) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.
- 20.3 Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
- 20.4 Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.
- 20.5 Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a) Quyết định việc thành lập Chi nhánh hoặc các Văn phòng đại diện của Công ty. Việc thành lập các Công ty con của Công ty;
 - b) Các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 25% đến dưới 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn tối đa mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
 - c) Việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại có thẩm quyền và Luật sư của Công ty;

- d) Việc vay nợ và việc thực hiện mọi khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - e) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - f) Việc mua hoặc bán Cổ phần của những Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay ở nước ngoài;
 - g) Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc Phát hành Cổ phiếu hoặc Trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - h) Quyết định mua lại không quá 10% cổ phần đã phát hành theo từng loại. Quyết định mức giá mua lại Cổ phần của Công ty ;
 - i) Bất kỳ vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - k) Quyết định giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
- 20.6. Hội đồng quản trị phải nộp báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Nếu không có báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng thông qua.
- 20.7. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện và hành động thay mặt cho Công ty, thậm chí cả khi vấn đề đòi hỏi việc đánh giá và đưa ra kết luận, trừ khi Luật pháp và Điều lệ quy định khác.
- 20.8. Các thành viên Hội đồng quản trị (không kể các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng; nếu không thỏa thuận được thì chia đều.
- 20.9. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền mà mỗi thành viên được nhận phải được ghi chú chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.
- 20.10. Mọi thành viên nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch và không tính đến việc chức vụ đó có được nắm giữ trong một khuôn khổ mang tính chất điều hành hay không), hoặc thành viên làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng, hoặc thành viên thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

- 20.11. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị.

- 21.1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch và một Phó chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm chức vụ Giám đốc Công ty.
- 21.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Theo dõi, kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - đ) Triệu tập và Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải đệ trình báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm toán của Kiểm toán viên và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tạm đình chỉ những quyết định của Tổng Giám đốc để hạn chế tổn thất và sau đó phải thông qua Hội đồng quản trị để có quyết định chính thức trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ đó;
 - h) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
- 21.3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch. Khi đó Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ hành động với tư cách Chủ tịch nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Nếu Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch, trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì bất kỳ lý do nào đó thì Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
- 21.4. Khi cả Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất kỳ lý do nào thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 22. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế.

- 22.1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền ủy quyền cho một người khác thay mặt mình thực hiện các công việc của thành viên Hội đồng quản trị (người được ủy quyền có thể là thành viên Hội đồng quản trị hoặc là một người bất kỳ được Hội đồng quản trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này) thay thế cho mình và bãi miễn người thay thế. Việc ủy quyền này không giải phóng Thành viên Hội đồng quản trị khỏi những nghĩa vụ, trách nhiệm của một thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện ủy quyền cho người khác vẫn phải chịu trách nhiệm về những hành vi mà người được ủy quyền đã thực hiện trong thời hạn ủy quyền;
- 22.2. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế sẽ có quyền nhận được thông báo về mọi cuộc họp của Hội đồng quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà người chỉ định anh ta là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại bất kỳ cuộc họp nào mà ở đó thành viên Hội đồng quản trị chỉ định anh ta không có mặt, và được ủy quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định vắng mặt nhưng không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị thay thế. Tuy nhiên, Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội đồng quản trị thay thế không có mặt tại Việt Nam.
- 22.3. Thành viên thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội đồng quản trị nếu người chỉ định anh ta không có tư cách thành viên Hội đồng quản trị nữa. Nhưng nếu một thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng Đại hội đồng cổ đông mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.
- 22.4. Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thực hiện theo hình thức một văn bản thông báo do thành viên Hội đồng quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế ký gửi cho Công ty hoặc hình thức khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn.
- 22.5. Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều lệ này, một thành viên thay thế sẽ được coi là thành viên Hội đồng quản trị về mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị đã chỉ định mình.

Điều 23. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

- 23.1. Cuộc họp bầu Chủ tịch. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn

một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

23.2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

23.3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) nhân viên quản lý;
- b) Hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- d) Đa số thành viên trong Ban kiểm soát.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

23.4. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc sau khi đề xuất họp. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập cuộc họp trong thời hạn nêu trên thì trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày hết thời hạn phải triệu tập họp Hội đồng quản trị nêu trên, những người quy định tại Điều 23.3 trên đây có thể triệu tập họp Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

23.5. Thông báo và Chương trình họp. Các cuộc họp phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên Hội đồng năm (5) ngày trước khi tổ chức, với điều kiện là các thành viên Hội đồng có thể khước từ thông báo mời họp bằng văn bản và sự khước từ đó có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo về cuộc họp Hội đồng sẽ phải được làm bằng văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo về chương trình họp, thời gian, địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và cả các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

23.6. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng và sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

- 23.7. Số thành viên tham dự tối thiểu. Cuộc họp Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất bốn phần năm (4/5) số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thông qua người đại diện thay thế có mặt trực tiếp tại cuộc họp.
- 23.8. Biểu quyết đa số.
- a) Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền có một phiếu biểu quyết.
 - b) Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu biểu quyết là ngang nhau thì quyết định cuối cùng của Hội đồng quản trị sẽ thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được chỉ định là chủ tọa cuộc họp.
 - c) Một thành viên Hội đồng sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc bất kỳ người liên quan nào có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ quyết nghị nào thành viên đó không có quyền biểu quyết.
 - d) Theo quy định tại điểm e Điều này, trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp và phán quyết của vị chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.
 - e) Bất kỳ thành viên Hội đồng nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
- 23.9 Tuyên bố lợi ích: Một thành viên hội đồng mà bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty sẽ phải tuyên bố bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này nếu khi đó thành viên này đã biết là mình có lợi ích trong đó. Hoặc thành viên này có thể tuyên bố điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
- 23.10 Biểu quyết vắng mặt: Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của Hội đồng bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì cho thư ký không muộn hơn một (01) tiếng đồng hồ trước thời

gian dự kiến họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả các thành viên dự họp.

23.11 Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Một cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (cho dù là đã được sử dụng vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này mới được sử dụng) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Các nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

23.12 Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải được ký bởi tất cả những thành viên Hội đồng sau đây:

- a) Những thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng;
- b) Số lượng những thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng.

23.13 Biên bản cuộc họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Các biên bản sẽ phải được lập bằng tiếng Việt hoặc tiếng nước ngoài và phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp, gồm có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;

- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- d) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các quyết định đã được thông qua;
- i) Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp.

Chữ toạ và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

23.14 Những người được mời họp dự thính: Giám đốc, những cán bộ quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên Hội đồng.

23.15 Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền hành động và quyết định cho các tiểu ban trực thuộc bao gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng và một hoặc nhiều người khác ở ngoài Hội đồng nếu cho là phù hợp. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, mọi tiểu ban đều phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra tùy từng thời điểm. Những quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) số lượng thành viên kết nạp thêm phải ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của tiểu ban đó sẽ không có hiệu lực nếu đa số thành viên có mặt tại cuộc họp thông qua nghị quyết đó không phải là thành viên Hội đồng quản trị.

23.16 Giá trị pháp lý của hành động: Mọi hành động được thực hiện theo quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của bất kỳ tiểu ban nào trực thuộc Hội đồng hoặc do bất kỳ người nào với tư cách thành viên của tiểu ban đó sẽ được coi là có giá trị pháp lý mặc dù quá trình bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có những sai sót.

CHƯƠNG VIII

GIÁM ĐỐC, NHỮNG CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 24. Tổ chức bộ máy quản lý.

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Giám đốc, một số Phó Giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng có thể đồng thời cùng là thành viên Hội đồng quản trị và do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn theo một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 25. Cán bộ quản lý.

- 25.1. Theo đề nghị của Giám đốc và sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty sẽ có một số lượng nhất định và các loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc thích hợp để thực hiện các cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý là các trưởng, phó phòng, ban nghiệp vụ, quản đốc phân xưởng; phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
- 25.2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với những cán bộ quản lý này sẽ do Giám đốc quyết định.

Điều 26. Bổ nhiệm, Miễn nhiệm, Nhiệm vụ và Quyền hạn của Giám đốc.

- 26.1. Bổ nhiệm Giám đốc: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc thuê người khác làm Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc phải được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
- 26.2. Tiêu chuẩn lựa chọn Giám đốc: Giám đốc Công ty phải có đủ các tiêu chuẩn sau đây:
- a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý Công ty;
 - c) Có trình độ đại học trở lên;
 - d) Hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;
 - e) Có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết;
 - g) Giám đốc Công ty không được đồng thời làm Giám đốc hay Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác và tuân thủ các điều kiện theo quy định tại điều 57 Luật doanh nghiệp;
- 26.3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm, có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 26.4. Quyền hạn và nhiệm vụ của Giám đốc

- a) Quản lý và điều hành các hoạt động, công việc hằng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
- b) Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c) Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các loại Hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty;
- d) Kiến nghị về số lượng và các loại cán bộ quản lý điều hành cần thiết để Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. Tư vấn cho Hội đồng quản trị để quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- e) Xây dựng kế hoạch kinh doanh dài hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính ;
- f) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh;
- g) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- h) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình cho Hội đồng quản trị để thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
- i) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- k) Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của Hội đồng quản trị, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có) cho người lao động trong Công ty; đại diện cho Công ty hoặc uỷ quyền cho người quản lý khác để thực hiện việc ký kết các Hợp đồng lao động;
- l) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- m) Đại diện Công ty trước pháp luật, đại diện Công ty trong các tranh chấp pháp lý có liên quan đến Công ty;
- n) Phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty. Nếu điều hành trái với quy định mà gây thiệt

Kar

- hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.
- o) Được quyền ra các quyết định vượt quá thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp hoặc bất khả kháng như thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn và các trường hợp bất khả kháng khác. Giám đốc phải chịu trách nhiệm về những quyết định này của mình đồng thời báo cáo ngay Hội đồng quản trị về những quyết định vượt quá thẩm quyền của mình;
 - p) Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình thì Giám đốc có thể ủy quyền cho cá nhân và/hoặc tổ chức khác thực hiện các công việc liên quan đến nhiệm vụ và quyền hạn của mình tùy theo nhu cầu vào từng thời điểm.
- 26.5. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về những công việc mà mình đã thực hiện với tư cách là Giám đốc Công ty. Giám đốc có nghĩa vụ báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và về các công việc đã thực hiện trước những cơ quan này khi được yêu cầu.
- 26.6. Bãi nhiệm, miễn nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc với ít nhất hai phần ba thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Giám đốc trong trường hợp này) và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế. Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

Điều 27. Thư ký Công ty.

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Thư ký Công ty khi thấy cần thiết. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- a) Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- b) Làm biên bản các cuộc họp;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Cung cấp thông tin cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

CHƯƠNG IX

NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 28. Trách nhiệm cần trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý.

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Người Quản lý phải thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công

ty và với một mức độ cần trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 29. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.

- 29.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và Người Quản lý không được phép sử dụng vì mục đích cá nhân những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.
- 29.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và Người Quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác, bao gồm:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần, tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.
 - b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Doanh nghiệp mà những người liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo tới Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ khi có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

Việc kê khai theo quy định tại điều khoản này phải được thông báo cho Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông, đại diện uỷ quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc danh nghĩa cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả các thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

- 29.3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, cán bộ quản lý hay những người liên quan của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
- 29.4. Theo Điều 120 của Luật Doanh nghiệp, một hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty và các đối tượng sau đây:
- Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người liên quan của họ; hoặc
- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý và những người liên quan; hoặc
- Công ty, hiệp hội hoặc tổ chức nào khác mà ở đó một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người Quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá nếu:
- a) Đối với hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và nội dung của Hợp đồng hoặc những nội dung chủ yếu của giao dịch đó đã được thông báo và được Hội đồng quản trị ra quyết định chấp thuận và cho phép thực hiện;
 - b) Đối với những hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị lớn hơn 50% của tổng giá trị tài sản doanh nghiệp được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và các hợp đồng hoặc giao dịch khác không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và những nội dung của hợp đồng hoặc những nội dung chủ yếu của giao dịch đó đã được thông báo và đã được Đại hội đồng Cổ đông cho phép thực hiện;
 - c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.
- 29.5. Không một thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, một nhân viên quản lý hay người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 30. Trách nhiệm và bồi thường.

- 30.1. Trách nhiệm: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

- 30.2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của Công ty hay Công ty con của Công ty), hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay Công ty con của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một Công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê Luật sư), chi phí phán quyết các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG X BAN KIỂM SOÁT

Điều 31. Bổ nhiệm Ban kiểm soát.

- 31.1 Ban kiểm soát bao gồm những người thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất, kinh doanh của Công ty.
- 31.2 Ban kiểm soát của Công ty có ba (03) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn với số phiếu quá bán bằng thẻ thức trực tiếp và bỏ phiếu kín. Tất cả thành viên Ban Kiểm soát phải thường trú ở Việt Nam, có một thành viên có chuyên môn về kế toán hoặc kiểm toán.
- 31.3 Các thành viên Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng Ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát phải là cổ đông của Công ty.
- 31.4 Ban kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này gồm những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
- a) Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
 - b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- c) Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.
Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- d) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều 79 của Luật Doanh nghiệp.
- e) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều 79 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.
Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- f) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- g) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 119 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- h) Được Hội đồng quản trị tham khảo ý kiến về việc chỉ định Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;
- i) Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- k) Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
- l) Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- m) Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;
- n) Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban quản lý;
- o) Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của Hội đồng

quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

- p) Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

- q) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại điều 124, 125 và 126 của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- 31.5 Mỗi cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% số cổ phần phổ thông trong khoảng thời gian từ 06 tháng liên tiếp trở lên có quyền đề cử một ứng viên vào Ban kiểm soát.

Những cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian 06 tháng liên tục trở lên có thể tập hợp các phiếu bầu vào với nhau để cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Nếu tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của họ nằm trong khoảng từ 10% đến dưới 30% thì họ được phép đề cử 01 người; nếu từ 30% đến dưới 50% họ được đề cử hai (02) người; nếu từ 50% đến dưới 70% họ được đề cử ba (03) người và trên 70% được đề cử bốn (04) người;

Các cổ đông khác có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại điều lệ này và quy định của Luật doanh nghiệp có quyền tự ứng cử làm thành viên Ban kiểm soát.

- 31.6 Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quy định khác. Ban kiểm soát có trách nhiệm giữ bí mật những thông tin được cung cấp;

- 31.7 Trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát; và
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

- 31.8 Thành viên Ban kiểm soát được hưởng mức thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

- 31.9 Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban nhưng không được họp ít hơn hai (02) lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là hai (02) người;

- 31.10 Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát trùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Các thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại. Khi bầu thành viên của Ban kiểm soát, Công

ty phải thực hiện mục tiêu ít nhất một phần ba (1/3) số thành viên Ban kiểm soát phải được bầu mới hoặc bầu lại vào mỗi kỳ Đại hội cổ đông thường niên.

31.11. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
- b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.
- c) Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

31.12. Một thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 31.11 của Điều lệ này;
- b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Có đơn xin từ chức;
- e) Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

31.13. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

31.14. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Trong trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định thì thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

- a) Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên;
- b) Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
- c) Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 32. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.

- 32.1. Mọi cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 10.4 và Điều 31.5 đều có quyền, trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách các cổ đông, các biên bản của Đại hội cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra của người được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo văn bản ủy quyền của cổ đông cho người ủy quyền đó.
- 32.2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và Người Quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- 32.3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
- 32.4. Mọi Cổ đông đều có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí. Nếu Công ty có một website, Điều lệ này phải được đưa lên website đó.

CHƯƠNG XII

TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ – XÃ HỘI

Điều 33. Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị – xã hội trong công ty

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp, pháp luật và theo điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 điều này.
3. Chức năng, nhiệm vụ của Đảng bộ, chi bộ cơ sở trong công ty được quy định theo hướng dẫn số 509/HD-CT ngày 26 tháng 7 năm 2002 của Tổng cục chính trị QĐND Việt Nam và các hướng dẫn, quy định của Bộ Quốc phòng, Tổng cục CNQP.

CHƯƠNG XIII

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 34. Cổ tức.

- 34.1 Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
- 34.2 Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
- 34.3 Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác đi, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.
- 34.4 Công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.
- 34.5 Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
- 34.6 Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu nếu được chi trả bằng tiền mặt sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng mà cổ đông đó không nhận được. Khi niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán thì việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc trung tâm lưu ký.
- 34.7 Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bổ sung này được ghi là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua trên cơ sở giá trị của

các cổ phần phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán sát thực nhất.

- 34.8. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi việc nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 35. Tài khoản ngân hàng.

- 35.1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các Ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
- 35.2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu cần thiết.
- 35.3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 36. Các Quỹ của công ty.

Công ty phải trích tối thiểu 20% lợi nhuận sau thuế để phân bổ vào các quỹ cụ thể như sau:

- Quỹ dự phòng tài chính: 3% Lợi nhuận sau thuế
- Quỹ đầu tư phát triển: 11%
- Quỹ phúc lợi: 3%.
- Quỹ khen thưởng Ban quản lý: 3% (nhưng không quá 100 triệu/năm)

Điều 37. Năm tài khoá.

- 37.1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ ba mươi mốt (31) của tháng Mười hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy phép kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ ba mươi mốt (31) của tháng mười hai ngay sau ngày cấp giấy phép kinh doanh đó.

- 37.2 Cuối mỗi năm tài chính Hội đồng quản trị xem xét, thông qua quyết toán để trình Đại hội đồng cổ đông bao gồm:
- a) Bảng cân đối kế toán của Công ty;
 - b) Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
 - d) Thuyết minh báo cáo tài chính.

Điều 38. Hệ thống Kế toán.

- 38.1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống kế toán nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
- 38.2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
- 38.3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN,
THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

Khi Công ty niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán thì Công ty thực hiện các quy định tại điều 39, 40 dưới đây:

Điều 39. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.

- 39.1. Công ty sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo kế toán hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 41 Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan Đăng ký kinh doanh.
- 39.2. Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm một Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình lãi lỗ của Công ty trong năm tài chính và một Bản cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Nếu Công ty là một công ty mẹ thì ngoài báo cáo kế toán hàng năm còn phải bao gồm Bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con của mình vào cuối mỗi năm tài chính.

- 39.3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
- 39.4. Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cũng phải được gửi tới tất cả các Cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba (03) số liên tiếp. Nếu công ty có một trang Web trên mạng thì các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu (06) tháng của công ty phải được đưa lên trang Web.
- 39.5. Bất kỳ một tổ chức hoặc cá nhân nào quan tâm sẽ được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 40. Công bố thông tin và Thông báo ra công chúng.

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Luật chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XVI
KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 41. Kiểm toán.

- 41.1. Khi Công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán thì tuân thủ việc kiểm toán độc lập theo quy định của Luật chứng khoán.
- 41.2. Báo cáo tài chính của Công ty phải được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
- 41.3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo kế toán hàng năm và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.
- 41.4. Một bản sao của Báo cáo Kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
- 41.5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà mọi Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVII

CON DẤU

Điều 42. Con dấu.

- 42.1. Hội đồng quản trị sẽ thông qua một con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
- 42.2. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 43. Chấm dứt hoạt động.

- 43.1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a) Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - b) Giải thể trước thời hạn theo quy định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
- 43.2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định và quyết định này phải được thông báo đến cơ quan có thẩm quyền để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

Điều 44. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông.

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể chiếu theo một hay một số các căn cứ sau:

- 44.1. Các thành viên-Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
- 44.2. Các Cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
- 44.3. Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể Cổ đông.

Điều 45. Thanh lý.

- 45.1. Ít nhất sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập Ban Thanh lý gồm (03) thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban Thanh

lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban Thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

- 45.2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
- 45.3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
- a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - d) Các khoản vay (nếu có);
 - e) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 46. Giải quyết tranh chấp nội bộ

- 46.1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
- a) Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty;
 - b) Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay cán bộ Quản lý cao cấp thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Đại hội đồng cổ đông chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
- 46.2. Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

- 46.3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải.
Các chi phí của toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XX

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 47. Bổ sung và Sửa đổi Điều lệ.

- 47.1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
- 47.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 48. Ngày hiệu lực.

- 48.1. Bản Điều lệ này gồm XXI Chương 48 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xi măng X18 nhất trí thông qua ngày 16 tháng 11 năm 2006 tại Hòa Bình và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
- 48.2. Điều lệ được lập thành 06 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
- a) 01 Bản đăng ký gửi Phòng ĐKKD theo quy định.
 - b) 05 Bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.
- 48.3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
- 48.4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Văn Kiên



Hoàng Thị Oanh



Quách Văn Mười



Nguyễn Anh Sơn



Phạm Bá Trình



